

UBND TỈNH HUNG YÊN
SỞ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1258/SNV-VP
V/v đề xuất nhiệm vụ trọng tâm
thực hiện chuyển đổi số năm 2025

Hung Yên, ngày 07 tháng 9 năm 2024

Kính gửi: Sở Thông tin và Truyền thông Hưng Yên

Sở Nội vụ nhận được Công văn số 1159/STTTT-BCVTCTTT ngày 20/8/2024 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc đề xuất nhiệm vụ trọng tâm thực hiện chuyển đổi số năm 2025.

Thực hiện Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 02/2/2021 của UBND tỉnh về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 25/02/2022 của UBND tỉnh về thực hiện Đề án Chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030. Căn cứ các chỉ tiêu, nhiệm vụ được UBND tỉnh giao, Sở Nội vụ đề xuất nhiệm vụ trọng tâm thực hiện chuyển đổi số năm 2025 (Gửi kèm theo Phụ lục đề xuất nhiệm vụ trọng tâm).

Trân trọng gửi Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, trình UBND tỉnh phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Ký bởi: SỞ NỘI VỤ
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HUNG YÊN
Thời gian ký: 07/09/2024 13:29

Nguyễn Thị Thiên Hương

PHỤ LỤC 1

Đề xuất nhiệm vụ trọng tâm phát triển Chính quyền số, chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2025

(Kèm theo Công văn số /SNV-VP ngày tháng năm 2024 của Sở Nội vụ)

I. Các văn bản căn cứ để đề xuất

- Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 5/9/2019 của Chính phủ về Quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

- Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước

- Nghị quyết số 06- NQ/TU ngày 15/6/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX về Chương trình Chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030

- Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 29/3/2019 về Thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;

- Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 02/2/2021 của UBND tỉnh về ứng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 25/2/2022 của UBND tỉnh về thực hiện đề án Chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030;

- Căn cứ Quyết định số 83/2021/QĐ-UBND ngày 04/11/2021 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ Hưng Yên;

- Thông báo số 286/TB-UBND ngày 26/8/2024 Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh về việc xây dựng Bộ tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện dân vận chính quyền, chính quyền phục vụ người dân, doanh nghiệp.

II. Đề xuất nhiệm vụ ưu tiên thực hiện năm 2025

Xây dựng phần mềm chuyên ngành phục vụ công tác chuyên môn, bảo đảm triển khai đồng bộ với việc phát triển các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh:

T T	Tên dự án, hạng mục đầu tư	Mục tiêu, Quy mô	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Kinh phí			Nguồn kinh phí	Ghi chú
					Tổng kinh phí (Đồng)	Đã thực hiện (Đồng)	Cần thực hiện trong năm 2025 (Đồng)		
01	Xây dựng phần mềm đánh giá công tác dân vận chính quyền đối với các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	Toàn tỉnh	Năm 2025	Sở Nội vụ	995.000.000	0	995.000.000	Ngân sách tỉnh	Thông báo số 286/TB-UBND ngày 26/8/2024 Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh về việc xây dựng Bộ tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện dân vận chính quyền, chính quyền phục vụ người dân, doanh nghiệp
Tổng cộng							995.000.000	Ngân sách tỉnh	

PHỤ LỤC 2

Đề cương rút gọn của dự án đề xuất thực hiện năm 2025

(Kèm theo Công văn số /SNV-VP ngày tháng năm 2024 của Sở Nội vụ)

I. CÁC THÔNG TIN CHUNG

1. Căn cứ pháp lý

- Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về Quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

- Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 15/6/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX về Chương trình Chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 29/3/2019 về Thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;

- Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 02/2/2021 của UBND tỉnh về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 25/2/2022 của UBND tỉnh về thực hiện đề án Chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- Căn cứ Quyết định số 83/2021/QĐ-UBND ngày 04/11/2021 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ Hưng Yên;

- Thông báo số 286/TB-UBND ngày 26/8/2024 Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh về việc xây dựng Bộ tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện dân vận chính quyền, chính quyền phục vụ người dân, doanh nghiệp.

2. Tên của hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin được lập đề cương và dự toán chi tiết

- Dự án: Xây dựng phần mềm đánh giá công tác dân vận chính quyền đối với các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2.1. Đơn vị sử dụng ngân sách

- Tên đơn vị sử dụng ngân sách: Sở Nội vụ tỉnh Hưng Yên.

- Địa chỉ: Số 6 đường Chùa Chuông, phường Hiến Nam, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

2.2. Địa điểm thực hiện

- Triển khai tại: Trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2.3. Thời gian thực hiện: Năm 2025

2.4. Loại nguồn vốn: Ngân sách nhà nước năm 2025.

2.5. Dự kiến hiệu quả đạt được.

Hệ thống phần mềm giúp công tác đánh giá công tác Dân vận thuận tiện, nhanh chóng hơn nhiều so với cách làm thủ công trước đây. Cơ quan tiết kiệm được đáng kể chi phí in ấn tài liệu chứng minh, tiết kiệm công sức, thời gian, không lo thất lạc các hồ sơ viện dẫn bởi bây giờ chỉ cần đính kèm file, không cần mang tài liệu giấy sang Sở Nội vụ nộp. Sau khi tổ giúp việc Hội đồng chấm điểm, các đơn vị có thể xem được kết quả chấm điểm từng tiêu chí.

Bên cạnh đó, phần mềm còn góp phần đảm bảo tính chính xác, nhanh chóng trong gửi, nhận kết quả tự đánh giá, kết quả thẩm định và phản hồi giải trình, giảm áp lực công việc, giảm việc họp, qua đó nâng cao hiệu quả làm việc của các cơ quan, đơn vị tự thực hiện đánh giá, chấm điểm cũng như Hội đồng. Phần mềm còn giúp lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương nắm được ý kiến thẩm định chuyên môn đối với từng chỉ tiêu đánh giá, từ đó chỉ đạo nâng cao kết quả thực hiện. Cơ chế phân quyền tham gia của các thành viên Tổ giúp việc; tự tổng hợp, thống kê kết quả cũng giúp giảm áp lực thời gian, công sức, hạn chế sai sót.

II. SỰ CẦN THIẾT PHẢI THỰC HIỆN

1. Hiện trạng:

Hiện nay tất cả các đơn vị vẫn còn làm theo phương pháp thủ công, dẫn đến thất lạc hồ sơ...

2. Mục tiêu

Áp dụng công nghệ thông tin trong công tác đánh giá công tác sẽ hiệu quả. Tăng cường trách nhiệm của các cá nhân, cơ quan, đơn vị và người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong việc nâng cao hiệu quả và chất lượng thực thi chính sách, cung cấp dịch vụ công của chính quyền địa phương... để tạo môi trường thuận lợi thu hút các nguồn lực cho đầu tư phát triển, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh.

3. Quy mô, sự cần thiết

Xây dựng phần mềm đánh giá công tác dân vận chính quyền đối với các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh Hưng Yên nhằm hỗ trợ cho các cán bộ quản lý các cấp trong việc xây dựng bộ chỉ số đánh giá và thu thập kết quả đánh giá công tác dân vận trên địa bàn tỉnh.

Phần mềm được xây dựng trên nền tảng web (webbase). Phần mềm sẽ được truy cập thông qua internet hoặc chạy trên đường truyền nội bộ của tỉnh, cho phép các đơn vị trực thuộc sử dụng phần mềm có thể truy cập vào hệ thống.

Mỗi đơn vị sử dụng phần mềm sẽ có tài khoản để truy cập vào hệ thống để cập nhật chỉ số đánh giá đối với các chỉ số tự đánh giá, theo bộ chỉ số đánh giá được ban hành.

Đơn vị quản lý: Sở Nội vụ được cấp tài khoản quản trị để xây dựng bộ chỉ số đánh giá, cập nhật các chỉ số đánh giá cho toàn hệ thống.

Hội đồng thẩm định từng cấp được cấp tài khoản để cập nhật chỉ số đánh giá sau thẩm định.

III. THUYẾT MINH GIẢI PHÁP KỸ THUẬT

1. Danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho hệ thống phần mềm

Phần mềm phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước theo các quy định tại Thông tư số 39/2017/TT-BTTTT ngày 15/12/2017 của bộ Thông tin và Truyền thông về ban hành danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước, cụ thể:

Số TT	Loại tiêu chuẩn	Ký hiệu tiêu chuẩn	Tên đầy đủ của tiêu chuẩn	Quy định áp dụng
1	Tiêu chuẩn về kết nối			
1.1	Truyền siêu văn bản	HTTP v1.1	Hypertext Transfer Protocol version 1.1	Bắt buộc áp dụng
		HTTP v2.0	Hypertext Transfer Protocol version 2.0	Khuyến nghị áp dụng
1.2	Truyền tệp tin	FTP	File Transfer Protocol	Bắt buộc áp dụng một hoặc cả hai tiêu chuẩn
		HTTP v1.1	Hypertext Transfer Protocol version 1.1	
		HTTP v2.0	Hypertext Transfer Protocol version 2.0	Khuyến nghị áp dụng
		WebDAV	Web-based Distributed Authoring and Versioning	Khuyến nghị áp dụng
1.3	Truyền, phát luồng	RTSP	Real-time Streaming Protocol	Khuyến nghị áp dụng

	âm thanh/ hình ảnh	RTP	Real-time Transport Protocol	Khuyến nghị áp dụng
		RTCP	Real-time Control Protocol	Khuyến nghị áp dụng
1.4	Truy cập và chia sẻ dữ liệu	OData v4	Open Data Protocol version 4.0	Khuyến nghị áp dụng
1.5	Truyền thư điện tử	SMTP/ MIME	Simple Mail Transfer Protocol/Multipurpose Internet Mail Extensions	Bắt buộc áp dụng
1.6	Cung cấp dịch vụ truy cập hộp thư điện tử	POP3	Post Office Protocol version 3	Bắt buộc áp dụng cả hai tiêu chuẩn đối với máy chủ
		IMAP 4rev1	Internet Message Access Protocol version 4 revision 1	
1.7	Truy cập thư mục	LDAP v3	Lightweight Directory Access Protocol version 3	Bắt buộc áp dụng
1.8	Dịch vụ tên miền	DNS	Domain Name System	Bắt buộc áp dụng
1.9	Giao vận mạng có kết nối	TCP	Transmission Control Protocol	Bắt buộc áp dụng
1.10	Giao vận mạng không kết nối	UDP	User Datagram Protocol	Bắt buộc áp dụng
1.11	Liên mạng LAN/WAN	IPv4	Internet Protocol version 4	Bắt buộc áp dụng
		IPv6	Internet Protocol version 6	Bắt buộc áp dụng đối với các thiết bị có kết nối Internet
1.12	Mạng cục bộ không dây	IEEE 802.11g	Institute of Electrical and Electronics Engineers Standard (IEEE) 802.11g	Bắt buộc áp dụng
		IEEE 802.11n	Institute of Electrical and Electronics Engineers Standard (IEEE) 802.11n	Khuyến nghị áp dụng

1.13	Truy cập Internet với thiết bị không dây	WAP v2.0	Wireless Application Protocol version 2.0	Bắt buộc áp dụng
1.14	Dịch vụ Web dạng SOAP	SOAP v1.2	Simple Object Access Protocol version 1.2	Bắt buộc áp dụng một, hai hoặc cả ba tiêu chuẩn
		WSDL V2.0	Web Services Description Language version 2.0	
		UDDI v3	Universal Description, Discovery and Integration version 3	
1.15	Dịch vụ Web dạng RESTful	RESTful web service	Representational state transfer	Khuyến nghị áp dụng
1.16	Dịch vụ đặc tả Web	WS BPEL v2.0	Web Services Business Process Execution Language Version 2.0	Khuyến nghị áp dụng
		WS-I Simple SOAP Binding Profile Version 1.0	Simple SOAP Binding Profile Version 1.0	Khuyến nghị áp dụng
		WS- Federation v1.2	Web Services Federation Language Version 1.2	Khuyến nghị áp dụng
		WS- Addressing v1.0	Web Services Addressing 1.0	Khuyến nghị áp dụng
		WS- Coordination Version 1.2	Web Services Coordination Version 1.2	Khuyến nghị áp dụng
		WS-Policy v1.2	Web Services Coordination Version 1.2	Khuyến nghị áp dụng
		OASIS Web Services Business Activity Version 1.2	Web Services Business Activity Version 1.2	Khuyến nghị áp dụng
		WS- Discovery Version 1.1	Web Services Dynamic Discovery Version 1.1	Khuyến nghị áp dụng
		WS-	Web Services Metadata	Khuyến nghị áp dụng

		MetadataExchange	Exchange	dụng
1.17	Dịch vụ đồng bộ thời gian	NTPv3	Network Time Protocol version 3	Bắt buộc áp dụng một trong hai tiêu chuẩn
		NTPv4	Network Time Protocol version 4	
2	Tiêu chuẩn về tích hợp dữ liệu			
2.1	Ngôn ngữ định dạng văn bản	XML v1.0 (5 th Edition)	Extensible Markup Language version 1.0 (5 th Edition)	Bắt buộc áp dụng một trong hai tiêu chuẩn
		XML v1.1 (2 nd Edition)	Extensible Markup Language version 1.1	
2.2	Ngôn ngữ định dạng văn bản cho giao dịch điện tử	ISO/TS 15000:2014	Electronic Business Extensible Markup Language (ebXML)	Bắt buộc áp dụng
2.3	Định nghĩa các lược đồ trong tài liệu XML	XML Schema V1.1	XML Schema version 1.1	Bắt buộc áp dụng
2.4	Biến đổi dữ liệu	XSL	Extensible Stylesheet Language	Bắt buộc áp dụng phiên bản mới nhất.
2.5	Mô hình hóa đối tượng	UML v2.5	Unified Modelling Language version 2.5	Khuyến nghị áp dụng
2.6	Mô tả tài nguyên dữ liệu	RDF	Resource Description Framework	Khuyến nghị áp dụng
		OWL	Web Ontology Language	Khuyến nghị áp dụng
2.7	Trình diễn bộ kí tự	UTF-8	8-bit Universal Character Set (UES)/Unicode Transformation Format	Bắt buộc áp dụng
2.8	Khuôn thức trao đổi thông tin địa lý	GML v3.3	Geography Markup Language version 3.3	Bắt buộc áp dụng

2.9	Truy cập và cập nhật các thông tin địa lý	WMS v1.3.0	OpenGIS Web Map Service version 1.3.0	Bắt buộc áp dụng
		WFS v1.1.0	Web Feature Service version 1.1.0	Bắt buộc áp dụng
2.10	Trao đổi dữ liệu đặc tả tài liệu XML	XMI v2.4.2	XML Metadata Interchange version 2.4.2	Khuyến nghị áp dụng
2.11	Sổ đăng ký siêu dữ liệu (MDR)	ISO/IEC 11179:2015	Sổ đăng ký siêu dữ liệu (Metadata registries - MDR)	Khuyến nghị áp dụng
2.12	Bộ phần tử siêu dữ liệu Dublin Core	ISO 15836-1:2017	Bộ phần tử siêu dữ liệu Dublin Core	Khuyến nghị áp dụng(*)
2.13	Định dạng trao đổi dữ liệu mô tả đối tượng dạng kịch bản JavaScript	JSON RFC 7159	JavaScript Object Notation	Khuyến nghị áp dụng
2.14	Ngôn ngữ mô hình quy trình nghiệp vụ	BPMN 2.0	Business Process Model and Notation version 2.0	Khuyến nghị áp dụng
3 Tiêu chuẩn về truy cập thông tin				
3.1	Chuẩn nội dung Web	HTML v4.01	Hypertext Markup Language version 4.01	Bắt buộc, áp dụng
		WCAG 2.0	W3C Web Content Accessibility Guidelines (WCAG) 2.0	Khuyến nghị áp dụng
		HTML 5	Hypertext Markup Language version 5	Khuyến nghị áp dụng
3.2	Chuẩn nội dung Web mở rộng	XHTML v1.1	Extensible Hypertext Markup Language version 1.1	Bắt buộc áp dụng
3.3	Giao diện	CSS2	Cascading Style Sheets Language	Bắt buộc áp dụng

	người dùng		Level 2	một trong ba tiêu chuẩn
		CSS3	Cascading Style Sheets Language Level 3	
		XSL	Extensible Stylesheet Language version	
3.4	Văn bản	(.txt)	Định dạng Plain Text (.txt): Dành cho các tài liệu cơ bản không có cấu trúc	Bắt buộc áp dụng
		(.rtf) v1.8, v1.9.1	Định dạng Rich Text (.rtf) phiên bản 1.8, 1.9.1: Dành cho các tài liệu có thể trao đổi giữa các nền khác nhau	Bắt buộc áp dụng
		(.docx)	Định dạng văn bản Word mở rộng của Microsoft (.docx)	Khuyến nghị áp dụng
		(.pdf) v1.4, v1.5, v1.6, v1.7	Định dạng Portable Document (.pdf) phiên bản 1.4, 1.5, 1.6, 1.7: Dành cho các tài liệu chỉ đọc	Bắt buộc áp dụng một, hai hoặc cả ba tiêu chuẩn
		(.doc)	Định dạng văn bản Word của Microsoft (.doc)	
		(.odt) v1.2	Định dạng Open Document Text (.odt) phiên bản 1.2	
3.5	Bảng tính	(.csv)	Định dạng Comma eparated Variable/Delimited (.csv): Dành cho các bảng tính cần trao đổi giữa các ứng dụng khác nhau.	Bắt buộc áp dụng
		(.xlsx)	Định dạng bảng tính Excel mở rộng của Microsoft (.xlsx)	Khuyến nghị áp dụng
		(.xls)	Định dạng bảng tính Excel của Microsoft (.xls)	Bắt buộc áp dụng một hoặc cả hai tiêu chuẩn
		(.ods) v1.2	Định dạng Open Document Spreadsheets (.ods) phiên bản 1.2	
3.6	Trình diễn	(.htm)	Định dạng Hypertext Document (.htm): cho các trình bày được trao đổi thông qua các loại trình duyệt khác nhau	Bắt buộc áp dụng
		(.pptx)	Định dạng PowerPoint mở rộng	Khuyến nghị áp dụng

			của Microsoft (.pptx)	dụng
		(.pdf)	Định dạng Portable Document (.pdf): cho các trình bày lưu dưới dạng chỉ đọc	Bắt buộc áp dụng một, hai hoặc cả ba tiêu chuẩn
		(.ppt)	Định dạng PowerPoint (.ppt) của Microsoft	
		(.odp) v1.2	Định dạng Open Document Presentation (.odp) phiên bản 1.2	
3.7	Ảnh đồ họa	JPEG	Joint Photographic Expert Group (.jpg)	Bắt buộc áp dụng một, hai, ba hoặc cả bốn tiêu chuẩn
		GIF v89a	Graphic Interchange (.gif) version 89a	
		TIFF	Tag Image File (.tif)	
		PNG	Portable Network Graphics (.png)	
3.8	Ảnh gắn với tọa độ địa lý	GEO TIFF	Tagged Image File Format for GIS applications	Bắt buộc áp dụng
3.9	Phim ảnh, âm thanh	MPEG-1	Moving Picture Experts Group-1	Khuyến nghị áp dụng
		MPEG-2	Moving Picture Experts Group-2	Khuyến nghị áp dụng
		MPEG-4	Moving Picture Experts Group-4	Khuyến nghị áp dụng
		MP3	MPEG-1 Audio Layer 3	Khuyến nghị áp dụng
		AAC	Advanced Audio Coding	Khuyến nghị áp dụng
3.10	Luồng phim ảnh, âm thanh	(.asf), (.wma), (.wmv)	Các định dạng của Microsoft Windows Media Player (.asf), (.wma), (.wmv)	Khuyến nghị áp dụng
		(.ra), (.rm), (.ram), (.rmm)	Các định dạng Real Audio/Real Video (.ra), (.rm), (.ram), (.rmm)	Khuyến nghị áp dụng
		(.avi), (.mov), (.qt)	Các định dạng Apple Quicktime (.avi), (.mov), (.qt)	Khuyến nghị áp dụng

3.11	Hoạt họa	GIF v89a	Graphic Interchange (.gif) version 89a	Khuyến nghị áp dụng
		(.swf)	Định dạng Macromedia Flash (.swf)	Khuyến nghị áp dụng
		(.swf)	Định dạng Macromedia Shockwave (.swf)	Khuyến nghị áp dụng
		(.avi), (.qt), (.mov)	Các định dạng Apple Quicktime (.avi),(.qt),(.mov)	Khuyến nghị áp dụng
3.12	Chuẩn nội dung cho thiết bị di động	WML v2.0	Wireless Markup Language version 2.0	Bắt buộc áp dụng
3.13	Bộ ký tự và mã hóa	ASCII	American Standard Code for Information Interchange	Bắt buộc áp dụng
3.14	Bộ ký tự và mã hóa cho tiếng Việt	TCVN 6909:2001	TCVN 6909:2001 “Công nghệ thông tin - Bộ mã ký tự tiếng Việt 16-bit”	Bắt buộc áp dụng
3.15	Nén dữ liệu	Zip	Zip (.zip)	Bắt buộc áp dụng một hoặc cả hai tiêu chuẩn
		.gz v4.3	GNU Zip (.gz) version 4.3	
3.16	Ngôn ngữ kịch bản phía trình khách	ECMA 262	ECMAScript version 6 (6 th Edition)	Bắt buộc áp dụng
3.17	Chia sẻ nội dung Web	RSS v1.0	RDF Site Summary version 1.0	Bắt buộc áp dụng một trong hai tiêu chuẩn
		RSS v2.0	Really Simple Syndication version 2.0	
		ATOM v1.0	ATOM version 1.0	Khuyến nghị áp dụng
3.18	Chuẩn kết nối ứng dụng công thông tin điện tử	JSR 168	Java Specification Requests 168 (Portlet Specification)	Bắt buộc áp dụng
		JSR286	Java Specification Requests 286 (Portlet Specification)	Khuyến nghị áp dụng
		WSRP v1.0	Web Services for Remote Portlets version 1.0	Bắt buộc áp dụng

		WSRP v2.0	Web Services for Remote Portlets version 2.0	Khuyến nghị áp dụng
4	Tiêu chuẩn về an toàn thông tin			
4.1	An toàn thư điện tử	S/MIME v3.2	Secure Multi-purpose Internet Mail Extensions version 3.2	Bắt buộc áp dụng
		OpenPGP	OpenPGP	Khuyến nghị áp dụng
4.2	An toàn tầng giao vận	SSH v2.0	Secure Shell version 2.0	Bắt buộc áp dụng
		TLS v1.2	Transport Layer Security version 1.2	Bắt buộc áp dụng
4.3	An toàn truyền tệp tin	HTTPS	Hypertext Transfer Protocol Secure	Bắt buộc áp dụng
		FTPS	File Transfer Protocol Secure	Khuyến nghị áp dụng
		SFTP	SSH File Transfer Protocol	Khuyến nghị áp dụng
4.4	An toàn truyền thư điện tử	SMTPS	Simple Mail Transfer Protocol Secure	Bắt buộc áp dụng
4.5	An toàn dịch vụ truy cập hộp thư	POP3S	Post Office Protocol version 3 Secure	Bắt buộc áp dụng một hoặc cả hai tiêu chuẩn
		IMAPS	Internet Message Access Protocol Secure	
4.6	An toàn dịch vụ DNS	DNSSEC	Domain Name System Security Extensions	Khuyến nghị áp dụng
4.7	An toàn tầng mạng	IPsec - IP ESP	Internet Protocol security với IP ESP	Bắt buộc áp dụng
4.8	An toàn thông tin cho mạng không dây	WPA2	Wi-fi Protected Access 2	Bắt buộc áp dụng
4.9	Giải thuật mã hóa	TCVN 7816:2007	Công nghệ thông tin. Kỹ thuật mật mã thuật toán mã dữ liệu	Khuyến nghị áp dụng

			AES	
		3DES	Triple Data Encryption Standard	Khuyến nghị áp dụng
		PKCS #1 V2.2	RSA Cryptography Standard - version 2.2	Khuyến nghị áp dụng, sử dụng lược đồ RSAES-OAEP để mã hóa
		ECC	Elliptic Curve Cryptography	Khuyến nghị áp dụng
4.10	Giải thuật chữ ký số	PKCS #1 V2.2	RSA Cryptography Standard - version 2.2	Bắt buộc áp dụng, sử dụng lược đồ RSASSA-PSS để ký
		ECDSA	Elliptic Curve Digital Signature Algorithm	Khuyến nghị áp dụng
4.11	Giải thuật băm cho chữ ký số	SHA-2	Secure Hash Algorithms-2	Khuyến nghị áp dụng
4.12	Giải thuật truyền khóa	RSA-KEM	Rivest-Shamir-Adleman - KEM (Key Encapsulation Mechanism) Key Transport Algorithm	Bắt buộc áp dụng
		ECDHE	Elliptic Curve Diffie Hellman Ephemeral	Khuyến nghị áp dụng
4.13	Giải pháp xác thực người sử dụng	SAML v2.0	Security Assertion Markup Language version 2.0	Khuyến nghị áp dụng
4.14	An toàn trao đổi bản tin XML	XML Encryption Syntax and Processing	XML Encryption Syntax and Processing	Bắt buộc áp dụng
		XML Signature Syntax and Processing	XML Signature Syntax and Processing	Bắt buộc áp dụng
4.15	Quản lý khóa công khai bản tin	XKMS v2.0	XML Key Management Specification version 2.0	Khuyến nghị áp dụng

	XML			
4.16	Giao thức an toàn thông tin cá nhân	P3P v1.1	Platform for Privacy Preferences Project version 1.1	Khuyến nghị áp dụng
4.17	Hạ tầng khóa công khai			Khuyến nghị áp dụng
	Cú pháp thông điệp mật mã cho ký, mã hóa	PKCS#7 v1.5 (RFC 2315)	Cryptographic message syntax for file-based signing and encrypting version 1.5	
	Cú pháp thông tin thẻ mật mã	PKCS#15 v1.1	Cryptographic token information syntax version 1.1	
	Cú pháp thông tin khóa riêng	PKCS#8 V1.2 (RFC 5958)	Private-Key Information Syntax Standard version 1.2	
	Giao diện thẻ mật mã	PKCS#11 v2.20	Cryptographic token interface standard version 2.20	
	Cú pháp trao đổi thông tin cá nhân	PKCS#12 v1.1	Personal Information Exchange Syntax version 1.1	
	Khuôn dạng danh sách chứng thư số thu hồi	RFC 5280	Certificate Revocation List Profile	
	Khuôn dạng chứng thư số	RFC 5280	Public Key Infrastructure Certificate	
	Cú pháp yêu cầu chứng thực	PKCS#10 v1.7 (RFC 2986)	Certification Request Syntax Specification version 1.7	
	Giao thức trạng thái chứng thư trực tuyến	RFC 6960	On-line Certificate status protocol	

	Giao thức gắn tem thời gian	RFC 3161	Time stamping protocol	
	Dịch vụ tem thời gian	ISO/IEC 18014-1:2008 ISO/IEC 18014-2:2009 ISO/IEC 18014-3:2009 ISO/IEC 18014-4:2015	Information technology Security techniques - Time stamping services Part 1: Framework Part 2: Mechanisms producing independent tokens Part 3: Mechanisms producing linked tokens Part 4: Traceability of time sources	
4.18	An toàn cho dịch vụ Web	WS-Security v1.1.1	Web Services Security: SOAP Message Security Version 1.1.1	Khuyến nghị áp dụng
4.19	Khuôn dạng dữ liệu trao đổi sự cố an toàn mạng	RFC 7970	The Incident Object Description Exchange Format version 2 (IODEF)	Khuyến nghị áp dụng

IV. MÔ TẢ HỆ THỐNG TRIỂN KHAI MỞ RỘNG

1. Mô hình kiến trúc triển khai

2. Các thông số kỹ thuật đối với hệ thống/ CSDL

Hệ thống phần mềm được phát triển trên nền web-base, đơn vị tư vấn đề xuất hệ thống được cài đặt trên 2 máy chủ riêng biệt, cụ thể:

- 01 máy chủ cài đặt phần giao diện web hệ thống Chấm điểm Quản trị và Hành chính công PAPI cấp tỉnh.

- 01 máy chủ cài đặt cơ sở dữ liệu hệ thống.

Cấu hình máy chủ kiến nghị tối thiểu như sau:

Processor: Intel xeon 2.4Ghz

Ram: 4GB

HDD: Tối thiểu còn trống 50GB

Trong trường hợp không đạt được 02 máy chủ riêng biệt, hệ thống có thể cài đặt trên 01 máy chủ với cấu hình tối thiểu:

Processor: Intel xeon 2.4Ghz

Ram: 16GB

HDD: Tối thiểu còn trống 100GB

** Mô hình cài đặt*



Mỗi đơn vị sử dụng phần mềm sẽ có tài khoản để truy cập vào hệ thống để cập nhật chỉ số đánh giá đối với các chỉ số tự đánh giá, theo bộ chỉ số đánh giá được ban hành.

Đơn vị quản lý: Sở nội vụ được cấp tài khoản quản trị để xây dựng bộ chỉ số đánh giá, cập nhật các chỉ số đánh giá cho toàn hệ thống.

(Trong trường hợp cài đặt trên một máy chủ, thì máy chủ cài web application cũng chính là máy chủ cài đặt database)

3. Yêu cầu về phương án đảm bảo An toàn thông tin

Căn cứ theo nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ, hệ thống Chấm điểm Quản trị và Hành chính công PAPI cấp tỉnh được xác định cấp độ 2. Để đáp ứng yêu cầu về bảo đảm an toàn thông tin cho hệ thống, đơn vị tư vấn đề xuất hệ thống nên được cài đặt trong 1 trung tâm dữ liệu đạt chuẩn tier 1 trở lên.

Hiện tại, trên địa bàn tỉnh Hưng Yên có 01 trung tâm dữ liệu được đầu tư khá tốt về hạ tầng: đó là trung tâm CNTT, Sở Thông tin và Truyền thông Hưng Yên. Để tận dụng hạ tầng bảo mật cũng như khả năng sao lưu dữ liệu dự phòng tại trung tâm dữ liệu này, đơn vị tư vấn khuyến nghị:

- Phần mềm sau khi hoàn thiện sẽ được cài đặt tại trung tâm dữ liệu trên để tận dụng hạ tầng bảo mật có sẵn.

- Ngoài ra, phần mềm phải có cơ chế đăng nhập, phân quyền truy cập cho các tài khoản được cấp và mật khẩu được mã hóa. Chỉ có các tài khoản

được cấp quyền mới có thể truy cập và thao tác trong phạm vi quyền hạn được cấp. Cụ thể:

Tài khoản người sử dụng: Phần mềm ứng dụng sử dụng cơ chế phân quyền theo vai trò của người dùng để kiểm soát quyền truy nhập đảm bảo:

- ✓ Tên truy cập là duy nhất, người sử dụng phải nhập tên truy cập và mật khẩu khi đăng nhập vào hệ thống.

- ✓ Mật khẩu truy nhập sẽ được mã hoá trước khi chuyển cho hệ quản trị cơ sở dữ liệu quản lý. Mật khẩu được mã hóa một chiều bằng cách kết hợp nhiều giải thuật mã hóa tốt như SHA, sử dụng SALT khi mã hóa... Hệ quản trị cơ sở dữ liệu sẽ lưu mật khẩu sau khi được mã hoá vào cơ sở dữ liệu của mình. Việc này để tránh việc người sử dụng truy cập vào hệ quản trị cơ sở dữ liệu để tìm mật khẩu người dùng.

- ✓ Có khả năng mở rộng để đáp ứng yêu cầu sử dụng USB Token trong cơ chế đăng nhập khi cần thiết..

- ✓ Người sử dụng có quyền thay đổi mật khẩu của mình thông qua chức năng thay đổi mật khẩu.

- ✓ Về quyền người sử dụng: Mỗi người sử dụng có quyền thực hiện các cấp độ khai thác khác nhau, cũng như các thao tác trên cơ sở dữ liệu đã được định nghĩa trước. Sự định nghĩa này có thể thay đổi được và thông qua chức năng phân quyền do người Quản trị hệ thống vận hành.

- ✓ Nếu người sử dụng đã truy cập vào hệ thống, sau khoảng thời gian xác định (chẳng hạn giây) mà không có giao dịch hoặc thao tác nào cả thì phần mềm tại Server tự động khóa (tạm thời) phiên làm việc của người đó, nếu muốn tiếp tục làm việc người sử dụng đó phải đăng nhập lại

Về nhật ký sử dụng hệ thống: Hệ thống chương trình cung cấp chức năng nhật ký sử dụng hệ thống trong suốt quá trình vận hành, nhật ký này cho phép:

- ✓ Ghi lại toàn bộ các thao tác có thể dẫn đến việc thay đổi dữ liệu: như thêm / xóa / sửa, đăng nhập hệ thống...

- ✓ Các thay đổi dữ liệu sẽ được lưu trữ bao gồm trường dữ liệu, thời gian thay đổi, người thay đổi, ...

- ✓ Người sử dụng có thể xem và theo dõi nhật ký an ninh này. Riêng người quản trị hệ thống có quyền xem toàn bộ nhật ký của tất cả users trong hệ thống, và chỉ có thể xóa đi theo thời gian để giảm tải nhưng không thể sửa đổi được nhật ký này.

4. Phương án kết nối, chia sẻ dữ liệu

Web API là một phương thức dùng để cho phép các ứng dụng khác nhau có thể giao tiếp, trao đổi dữ liệu qua lại. Dữ liệu được Web API trả lại thường ở dạng JSON hoặc XML thông qua giao thức HTTP hoặc HTTPS.

Những điểm nổi bật của Web API

Web API hỗ trợ restful đầy đủ các phương thức: Get/Post/put/delete dữ liệu. Nó giúp bạn xây dựng các HTTP service một cách rất đơn giản và nhanh chóng. Nó cũng có khả năng hỗ trợ đầy đủ các thành phần HTTP: URI, request/response headers, caching, versioning, content format.

- Web API được sử dụng hầu hết trên các ứng dụng desktop, ứng dụng mobile và ứng dụng website.
- Linh hoạt với các định dạng dữ liệu khi trả về client: Json, XML hay định dạng khác.
- Nhanh chóng xây dựng HTTP service: URI, request/response headers, caching, versioning, content formats và có thể host trong ứng dụng hoặc trên IIS.
- Mã nguồn mở, hỗ trợ chức năng RESTful đầy đủ, sử dụng bởi bất kì client nào hỗ trợ XML, Json.
- Hỗ trợ đầy đủ các thành phần MVC như: routing, controller, action result, filter, model binder, IoC container, dependency injection, unit test.
- Giao tiếp hai chiều được xác nhận trong các giao dịch, đảm bảo độ tin cậy cao.

Dựa trên các đánh giá trên, đơn vị tư vấn đề nghị dùng công nghệ Web API kết nối với trục LGSP của tỉnh để thực hiện truyền dẫn dữ liệu và trao đổi thông tin giữa các hệ thống ứng dụng khi cần thiết. Để truy xuất web service cần được cung cấp username và password do quản trị cung cấp.

V. KHÁI TOÁN

1. Căn cứ lập dự toán

- Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập đề cương và dự toán chi tiết đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước;

- Thông tư số 06/2011/TT-BTTTT ngày 28/02/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về lập và quản lý chi phí đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin;

- Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKH&ĐT-BTTTT ngày 15/2/2012 của Liên Bộ tài chính - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Thông tin và

Truyền thông hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

- Quyết định số Quyết định 2378/QĐ-BTTTT ngày 30/12/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố Định mức chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng ngân sách Nhà nước;

- Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc sửa đổi, bổ sung quyết định số 2378/QĐ-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông công bố định mức chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng ngân sách nhà nước;

- Nghị định 49/2013/NĐ-CP 14/5/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của bộ luật lao động và tiền lương;

- Nghị định số 121/2018/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật lao động về tiền lương;

- Thông tư số 17/2015/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xây dựng thang lương, bảng lương, phụ cấp lương và chuyển xếp lương đối với người lao động trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

- Nghị định số 157/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16 tháng 11 năm 2018 quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

- Quyết định số 595/QĐ-BHXXH ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Bảo Hiểm Xã Hội Việt Nam ban hành quy trình thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp; quản lý sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế;

2. Khái toán

2.1. Chi phí xây dựng phần mềm: 923.239.000 đồng;

2.2. Chi phí tư vấn khác: 45.929.000 đồng

2.3 Chi phí khác: 25.832.000đồng

Tổng dự toán: **995.000.000** đồng

Bằng chữ: Chín trăm chín mươi năm triệu đồng.

VI. Tổ chức thực hiện

1. Mục tiêu:

Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành Nội vụ tỉnh Hưng Yên đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong công tác chấm điểm dân vận, sẵn sàng kết nối, liên thông với cơ sở dữ liệu của tỉnh

2. Tổ chức thực hiện:

- Thành lập Tổ công tác có nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho Lãnh đạo Sở Nội vụ thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ đầu tư và kiểm tra, theo

đổi việc thực hiện các hợp đồng của dự án nhằm đảm bảo dự án được thực hiện đúng nội dung, tiến độ, chất lượng và hiệu quả.

- Xây dựng quy chế khai thác và vận hành hệ thống nhằm đảm bảo cho hệ thống hoạt động hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời phục vụ điều hành quản lý. Quy chế này gồm:

- + Quy chế chặt chẽ về hoạt động nghiệp vụ nhập dữ liệu, điều chỉnh, kết xuất dữ liệu của các đơn vị sử dụng

- + Tổ chức đội ngũ cán bộ vận hành hệ thống.

2.1. Các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi triển khai của dự án

- Sở Nội Vụ chủ trì phối hợp lập danh sách học viên, triệu tập học viên, quản lý lớp học. Đồng thời, tham gia tiếp nhận phần mềm và cách thức vận hành phần mềm áp dụng cho Sở Nội Vụ.

2.2. Trách nhiệm của tổ chức hoạt động tư vấn đầu tư ứng dụng CNTT

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ đầu tư về các nội dung đã cam kết trong hợp đồng, đặc biệt là các nội dung kinh tế - kỹ thuật được xác định trong sản phẩm tư vấn của mình.

- Thường xuyên phối hợp với chủ đầu tư để bàn bạc, đề xuất giải pháp tối ưu.

2.3. Các nhà thầu tham gia dự án

- Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình theo đúng nội dung hợp đồng đã ký kết với chủ đầu tư. Thường xuyên phối hợp với chủ đầu tư để bàn bạc, đề xuất giải pháp tối ưu.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy định của Nhà nước, chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư về chất lượng của sản phẩm do mình cung cấp.

- Có chính sách hỗ trợ hợp lý với việc vận hành hệ thống sau quá trình triển khai.